

Bản án số: 216/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Bé N, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp ĐTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp ĐTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Cao Bé N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau. Anh chị chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không thành nên nay chị yêu cầu được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 02 người con tên Nguyễn Nhật D, sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 11/9/2017. Các cháu hiện đang do anh Đ nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu H, giao cháu D cho anh Đ nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ: Không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Đ nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Cao Bé N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N, anh Đ là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không thành. Mặt khác, anh Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị N, cho thấy anh không có nguyện vọng để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi dưỡng cháu H, giao cháu D cho anh nuôi dưỡng. Xét thấy: Theo khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...” và khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Cao Bé N, cho chị Cao Bé N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 11/9/2017 cho chị Cao Bé N nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Nhật D, sinh ngày 16/9/2013 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng.

Chị Cao Bé N và anh Nguyễn Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Bé N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010889 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Cao Bé N và anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TD, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng